



VRTB.TI

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER**

ĐỊA CHỈ: 18 PHẠM HÙNG, HÀ NỘI
ADDRESS: 18 PHAM HUNG ROAD, HA NOI
DIỆN THOẠI/ TEL: +84 24 3 7684701
FAX: +84 24 3 7684779
EMAIL: vr-id@vr.org.vn
WEB SITE: www.vr.org.vn

**THÔNG BÁO KỸ THUẬT TÀU BIỂN
TECHNICAL INFORMATION ON SEA-GOING SHIPS**

**Ngày 11 tháng 01 năm 2019
Số thông báo: 005TI/19TB**

Nội dung: Đài Loan, Trung Quốc ban hành quy định mới liên quan đến phát thải trong Khu vực cảng thương mại quốc tế của Đài Loan, Trung Quốc có hiệu lực từ 01/01/2019.

**Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu
Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển**

Cơ quan có thẩm quyền Đài Loan, Trung Quốc vừa ban hành quy định mới liên quan đến phát thải trong Khu vực cảng thương mại quốc tế thuộc Đài Loan, Trung Quốc có hiệu lực từ 01/01/2019. Cục Đăng kiểm Việt Nam xin giới thiệu các nội dung chính của yêu cầu mới này như sau.

Đối tượng áp dụng và quy định

Từ ngày 01/01/2019, tàu biển hành trình trong tuyến đi quốc tế phải sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (hàm lượng lưu huỳnh không quá 0,5% theo trọng lượng), hoặc trang thiết bị hoặc nhiên liệu thay thế nhằm đạt được hiệu quả giảm phát thải tương đương khi đi vào Khu vực cảng thương mại quốc tế thuộc Đài Loan, Trung Quốc.

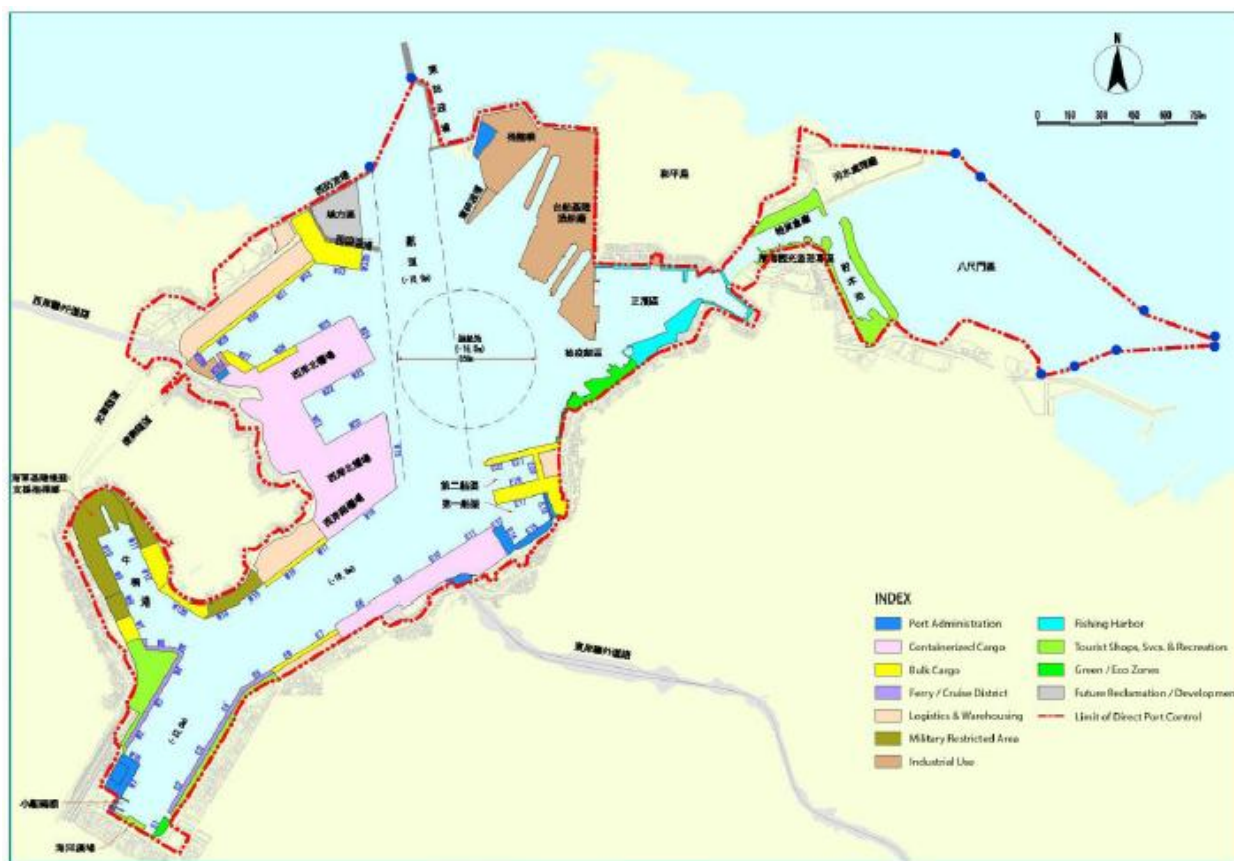
Miễn giảm

Nếu tàu sử dụng công nghệ làm giảm phát thải mà có thể đạt được lượng phát thải SO₂ bằng hoặc ít hơn tương ứng với khi sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, có thể được miễn giảm sử dụng nhiên liệu này.

Việc miễn giảm này phải thỏa mãn các điều kiện của Cơ quan có thẩm quyền được xem xét thích hợp đưa ra tại bất cứ thời điểm nào.

Khu vực kiểm soát thải

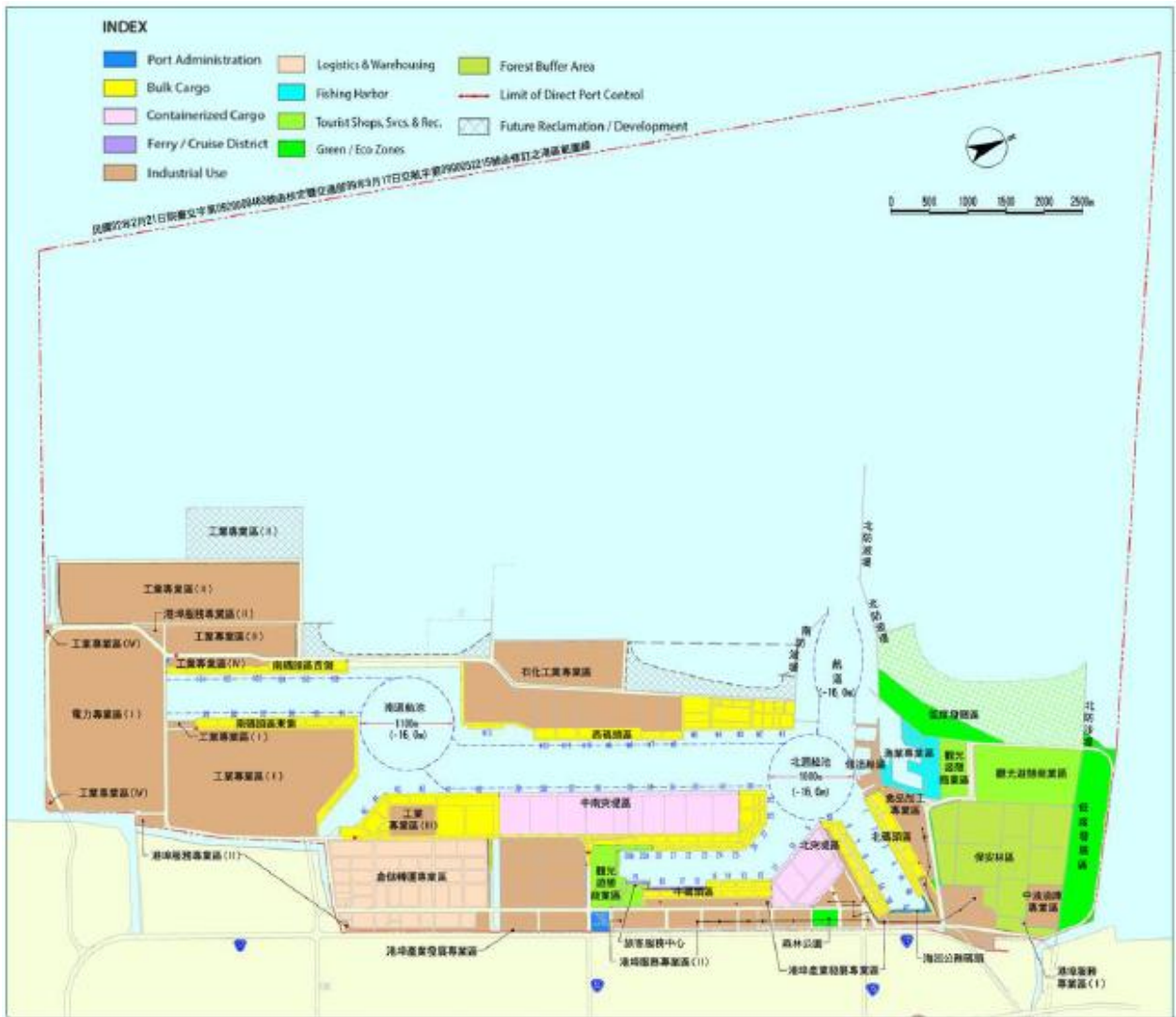
Cảng Keelung



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát hải cảng Keelung

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	121° 45' 16.4012"	25° 09' 44.5799"
B	121° 45' 09.3468"	25° 09' 30.7209"
C	121° 46' 47.4016"	25° 09' 32.3934"
D	121° 46' 48.6691"	25° 09' 30.7416"
E	121° 47' 18.6017"	25° 09' 08.0159"
F	121° 47' 30.3659"	25° 09' 04.0412"
G	121° 47' 30.2752"	25° 09' 03.3830"
H	121° 47' 12.6378"	25° 09' 02.4719"
I	121° 47' 05.0567"	25° 08' 59.6954"
J	121° 47' 00.3948"	25° 08' 58.7433"

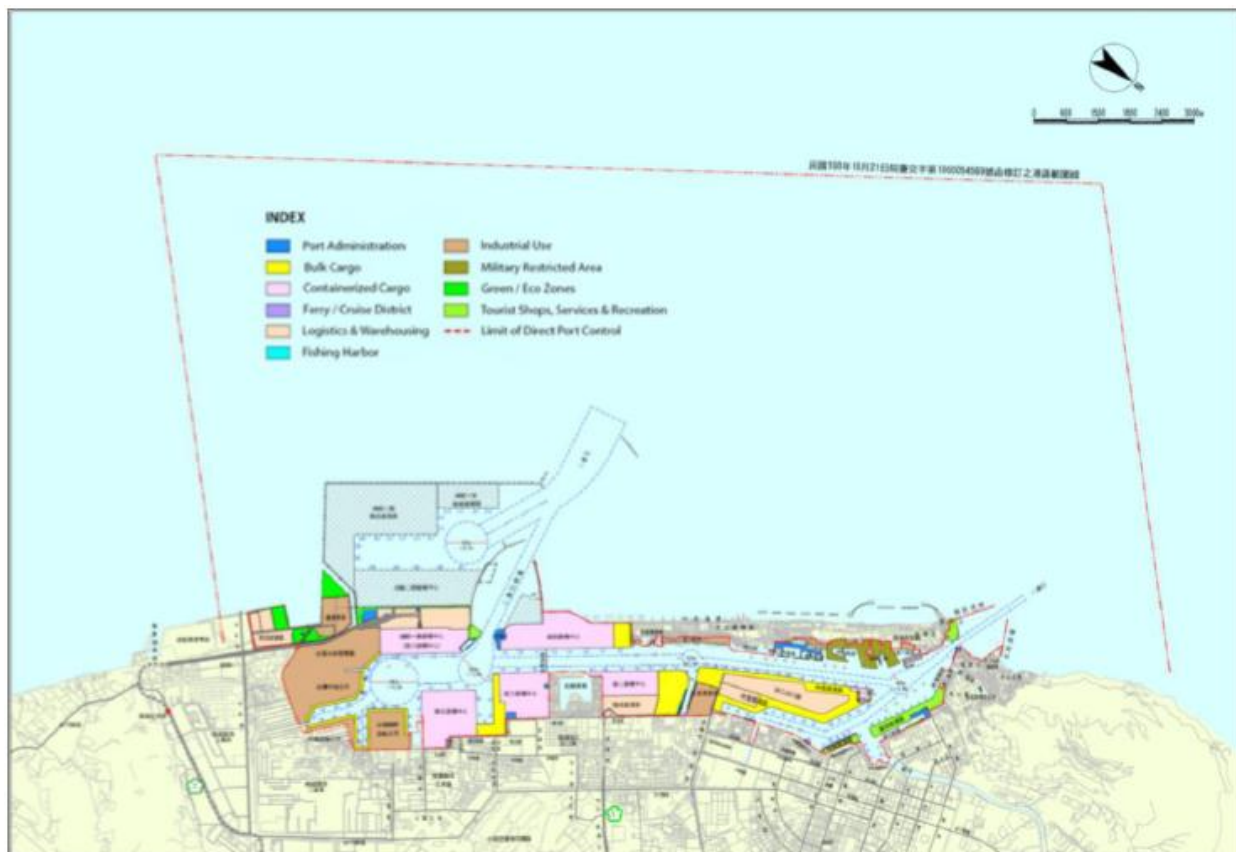
Cảng Taichung



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát thải cảng Taichung

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	120° 31' 39.5149"	24° 18' 48.6039"
B	120° 27' 17.1124"	24° 20' 42.6775"
C	120° 25' 40.0928"	24° 13' 36.5680"
D	120° 28' 05.5805"	24° 12' 45.4794"

Cảng Kaohsiung



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát thải cảng Kaohsiung

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	120° 14' 46.9846"	22° 38' 53.6348"
B	120° 10' 57.4687"	22° 35' 18.3405"
C	120° 20' 48.9567"	22° 31' 03.6090"
D	120° 16' 59.5409"	22° 27' 28.4147"

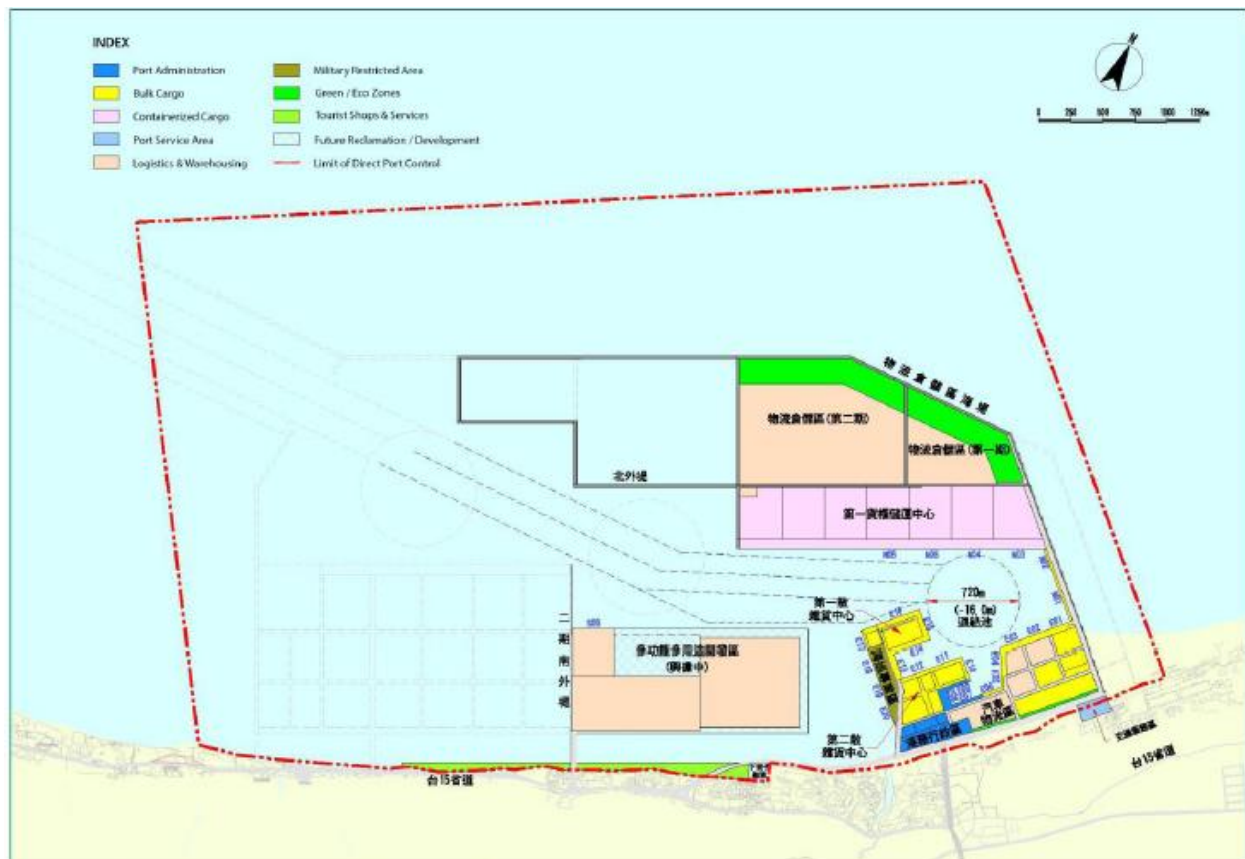
Cảng Hualien



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát hải cảng Hualien

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	121° 36' 42.33"	23° 56' 21.50"
B	121° 37' 17.65"	23° 56' 21.35"
C	121° 39' 14.40"	24° 00' 19.48"
D	121° 38' 47.45"	24° 00' 40.50"

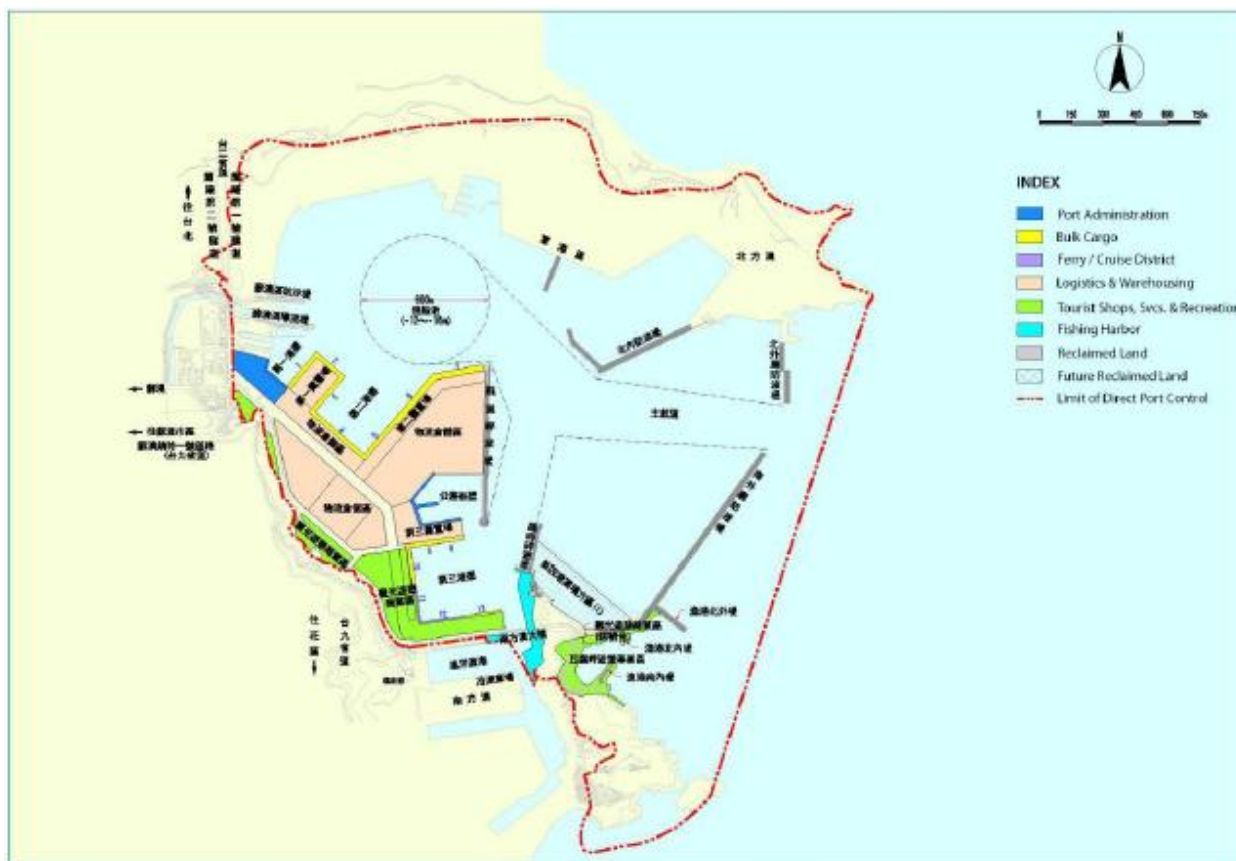
Cảng Taipei



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát thái
cảng Taipei

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	121° 24' 20.9109"	25° 09' 40.3558"
B	121° 22' 35.9774"	25° 11' 13.1027"
C	121° 19' 08.7590"	25° 09' 30.5511"
D	121° 20' 27.4610"	25° 07' 38.4951"

Cảng Suao



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát thải cảng Suao

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	121° 53' 08.64"	24° 35' 58.18"
B	121° 52' 42.11"	24° 34' 44.08"

Cảng Anping



Tọa độ các điểm kiểm soát của đường biên trên biển trong Khu vực kiểm soát thải cảng Anping

Điểm	Kinh độ Đông	Vĩ độ Bắc
A	120° 10' 08.2"	22° 57' 09.1"
B	120° 08' 17.1"	22° 56' 28.7"
C	120° 08' 56.9"	22° 59' 01.0"
D	120° 06' 59.0"	22° 58' 14.7"

Kiểm soát của PSC

1. Kiểm soát tàu có lắp đặt Hệ thống làm sạch khí xả EGCS

- a) Bầu lọc khí kiểu hở
 - Phải thực hiện xả trong vòng 12 hải lý tính từ bờ gần nhất (giống như xả nước thải sinh hoạt)
 - Không được xả nước trong vòng 12 hải lý bao gồm cả trong cảng.
- b) Bầu lọc khí kiểu kín và Bầu lọc khí kiểu kết hợp
 - Phải thực hiện xả trong vòng 12 hải lý tính từ bờ gần nhất (giống như xả nước thải sinh hoạt)
 - Không được xả nước trong vòng 12 hải lý bao gồm cả trong cảng.
 - Phải xả lên bờ khi vượt quá dung tích kết nước bản.
 - Chuyển sang sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 0,5% (được phép chuyển đổi trong cảng, nhưng phải xem xét dung tích còn lại của kết nước bản).
- c) Ngày có hiệu lực: Chiến dịch kiểm tra tập trung bắt đầu từ ngày 01/01/2019.

2. Hạng mục kiểm tra của Chiến dịch kiểm tra tập trung

- a) Sử dụng dầu nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp hơn 0,5%
 - Phiếu giao nhận dầu nhiên liệu.
 - Sổ nhật ký dầu (và/ hoặc Sổ nhật ký máy).
 - Quy trình chuyển đổi sử dụng dầu nhiên liệu.
 - Làm quen của thuyền viên đối với Hệ thống làm sạch khí xả EGCS và kiểm tra các hồ sơ tài liệu được phê duyệt.
- b) Kiểm tra các hạng mục của Chiến dịch kiểm tra tập trung của Tokyo MOU
 - c) Các đối tượng được lưu ý kiểm tra
 - Tàu dầu có dung tích GT > 3000, từ 15 tuổi trở lên.
 - Tàu hóa chất từ 10 tuổi trở lên.
 - Tàu chở hàng rời từ 12 tuổi trở lên.
 - Tàu khách từ 15 tuổi trở lên.
 - d) Từ ngày 01/01/2013, tàu chở hàng lỏng có dung tích GT $\geq$ 5000 chở dầu nặng/ nhẹ và tàu chở hàng lỏng vỏ đơn có dung tích GT $\geq$ 600
 - Tàu chở dầu thô/ nhựa đường cấm không được vào Đài Loan, Trung Quốc.
 - Kiểm tra các yêu cầu của Bộ luật tàu chở xô hóa chất nguy hiểm IBC.
 - Kiểm tra các yêu cầu của Công ước quản lý nước dãn BWMC.

Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị các Quý đơn vị phổ biến Thông báo kỹ thuật này cho các tổ chức, cá nhân liên quan và thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo tàu thỏa mãn theo các quy định nêu trên khi đi vào các cảng của Đài Loan, Trung Quốc từ ngày 01/01/2019.

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: Thông báo/ Thông báo KT Tàu biển của trang tin điện tử Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>.

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Phòng Tàu biển (TB)

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 24 37684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +24 37684722

Thư điện tử: taubien@vr.org.vn ; bangph@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Đơn vị lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TB, QP, CN, CTB, VRQC, TTTH;
- Lưu TB./.

Tài liệu gửi kèm: Thông báo của Đài Loan, Trung Quốc (bản tiếng Anh).

MINISTRY OF TRANSPORTATION AND COMMUNICATIONS NOTICE

Subject: The adoption based on Article 14.1.3 and Article 4 of Annex VI "Regulations for Prevention of Air Pollution from Ships" under "International Convention for the Prevention of Pollution from Ships (MARPOL)": Foreign vessels and flag ships sailing in international routes shall utilize low sulfur fuel oil (sulfur-bearing not more than 0.5% by weight), or equipment or alternative fuels that achieve the equivalent effect of emission reduction when entering into international commercial port area under the jurisdiction of the Republic of China shall be adopted and take effect on 1st January, 2019.

Based on: Article 75 of the Commercial Port Law.

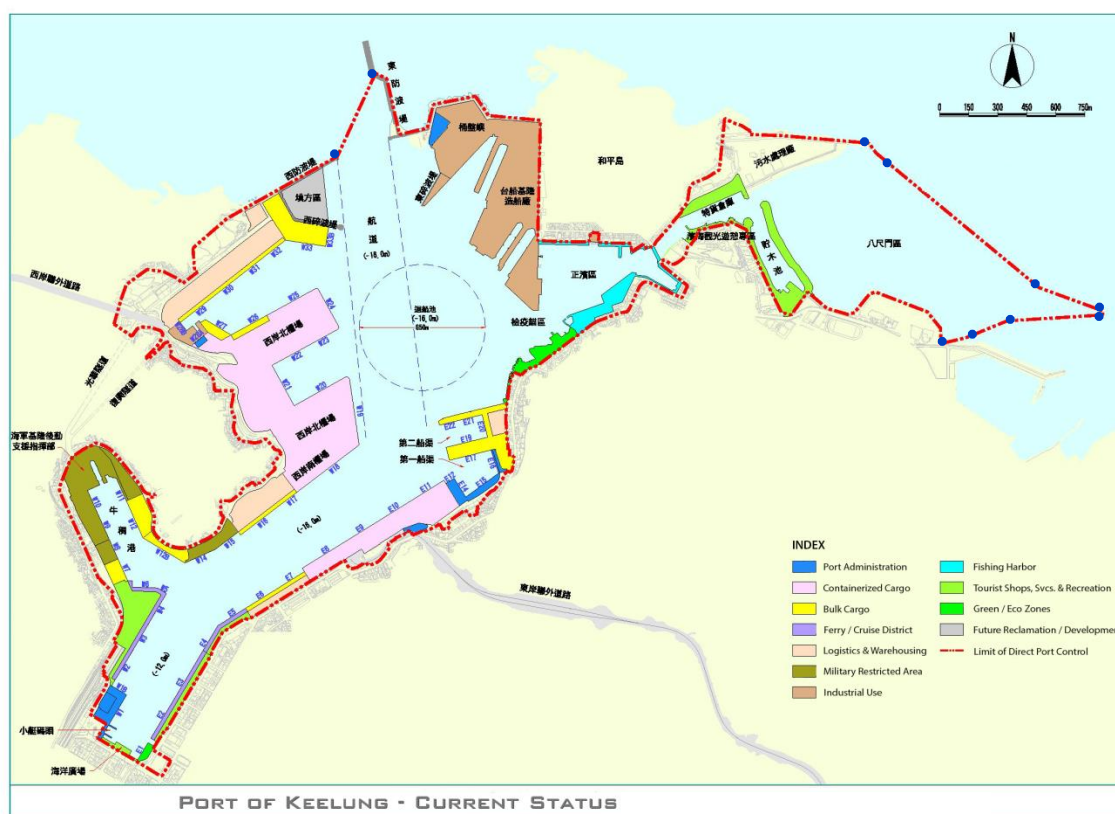
Announcement:

1. This case was the MEPC.280(70) resolution passed by the International Maritime Organization (IMO) Marine Environment Protection Committee (MEPC) at its 70th meeting in October 2016, to amend Article 14.1.3 of Annex VI "Regulations for Prevention of Air Pollution from Ships" under "International Convention for the Prevention of Pollution from Ships (MARPOL)". In order to protect the ecological and marine environment of the earth, starting from 1st January, 2019, foreign vessels and flag ships sailing in international routes shall utilize low sulfur fuel oil (sulfur-bearing not more than 0.5% by weight), or any appliances, devices, and alternative fuels that meet the requirements of the Convention standards and achieve the equivalent effect of emission reduction when entering into international commercial port area under the jurisdiction of the Republic of China (refer to the attachment).

The enclosed document is the main ship control requirements based on Article 14.1.3 and Article 4 of Annex VI "Regulations for Prevention of Air Pollution from Ships" under "International Convention for the Prevention of Pollution from Ships (MARPOL)".

我國國際商港區域(水域經緯度座標及港區界線)
International commercial port area under the jurisdiction of the Republic
of China (Taiwan) (Water latitude and longitude coordinates and port
boundaries)

(一) 基隆國際商港(Port of Keelung)



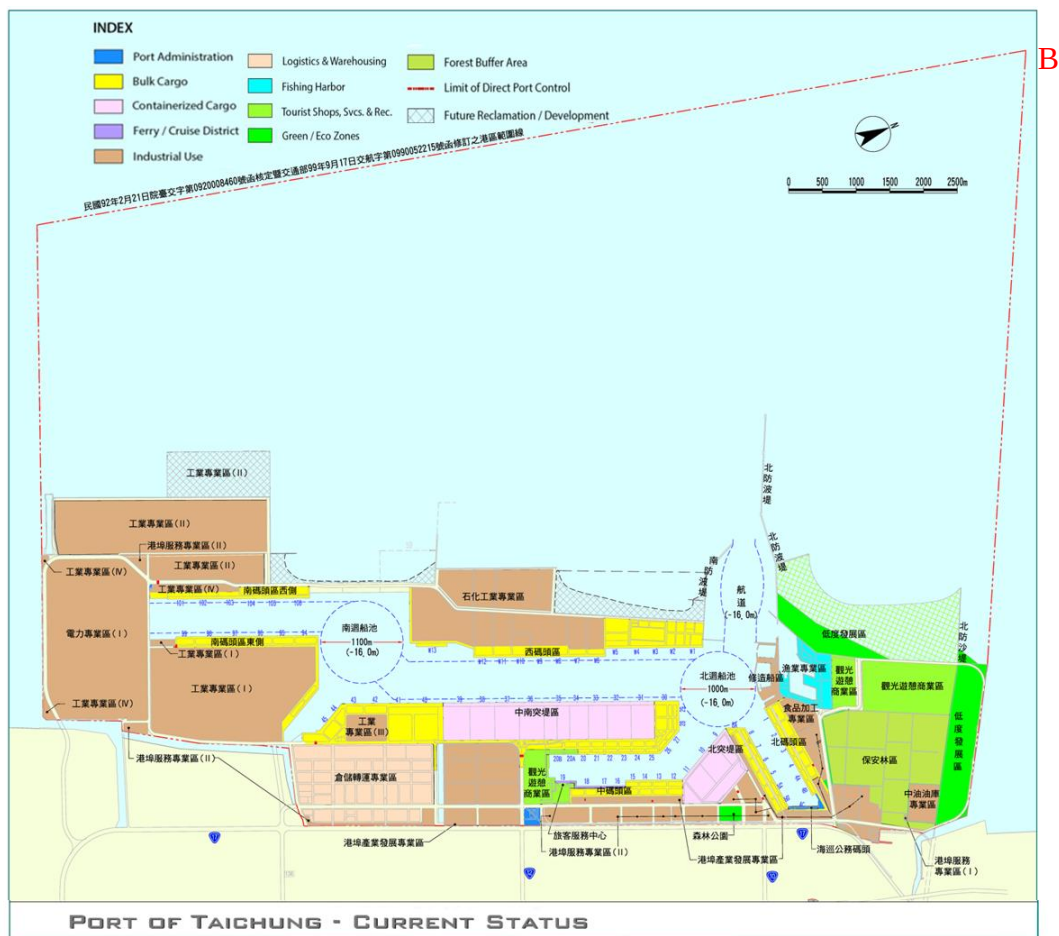
港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	121° 45' 16.4012"	25° 09' 44.5799"
B	121° 45' 09.3468"	25° 09' 30.7209"
C	121° 46' 47.4016"	25° 09' 32.3934"
D	121° 46' 48.6691"	25° 09' 30.7416"

E	121° 47' 18.6017"	25° 09' 08.0159"
F	121° 47' 30.3659"	25° 09' 04.0412"
G	121° 47' 30.2752"	25° 09' 03.3830"
H	121° 47' 12.6378"	25° 09' 02.4719"
I	121° 47' 05.0567"	25° 08' 59.6954"
J	121° 47' 00.3948"	25° 08' 58.7433"

(二) 臺中國際商港(Port of Taichung)

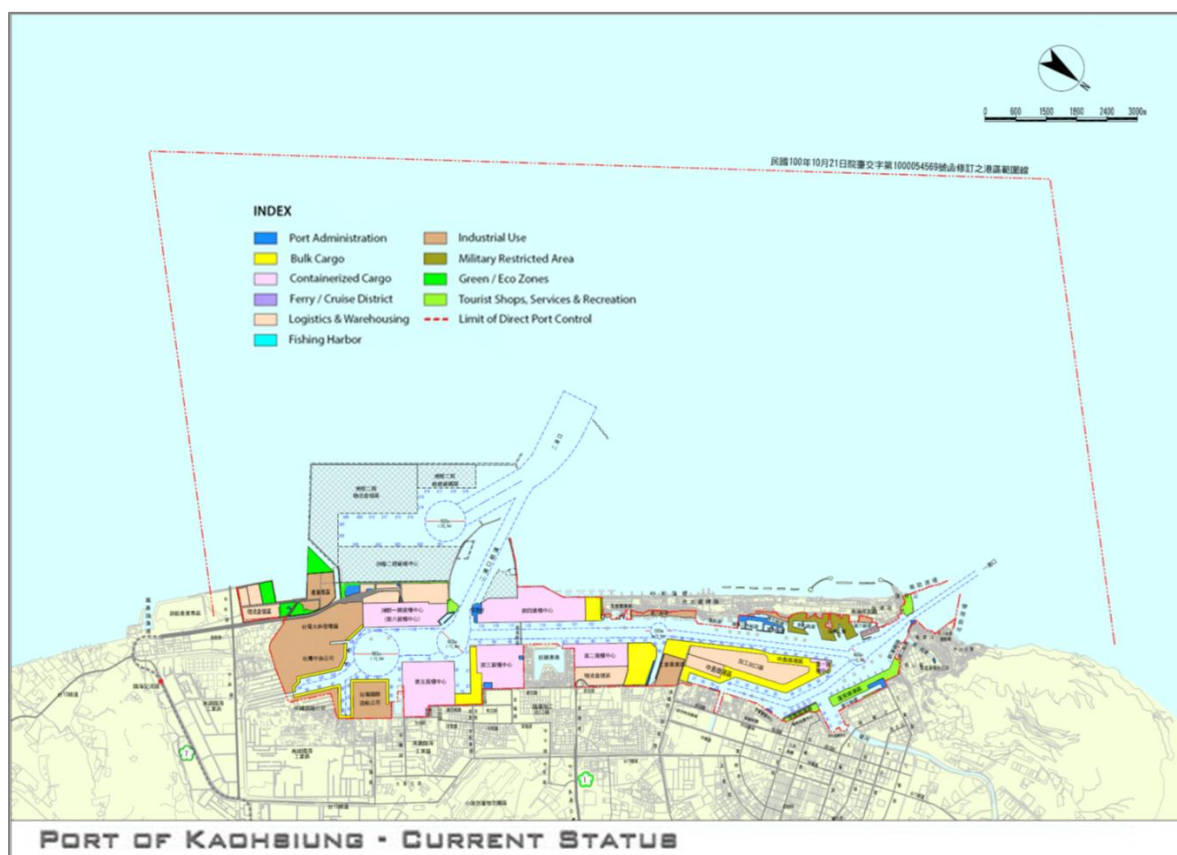


港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	120° 31' 39.5149"	24° 18' 48.6039"
B	120° 27' 17.1124"	24° 20' 42.6775"
C	120° 25' 40.0928"	24° 13' 36.5680"
D	120° 28' 05.5805"	24° 12' 45.4794"

(三) 高雄國際商港(Port of Kaohsiung)

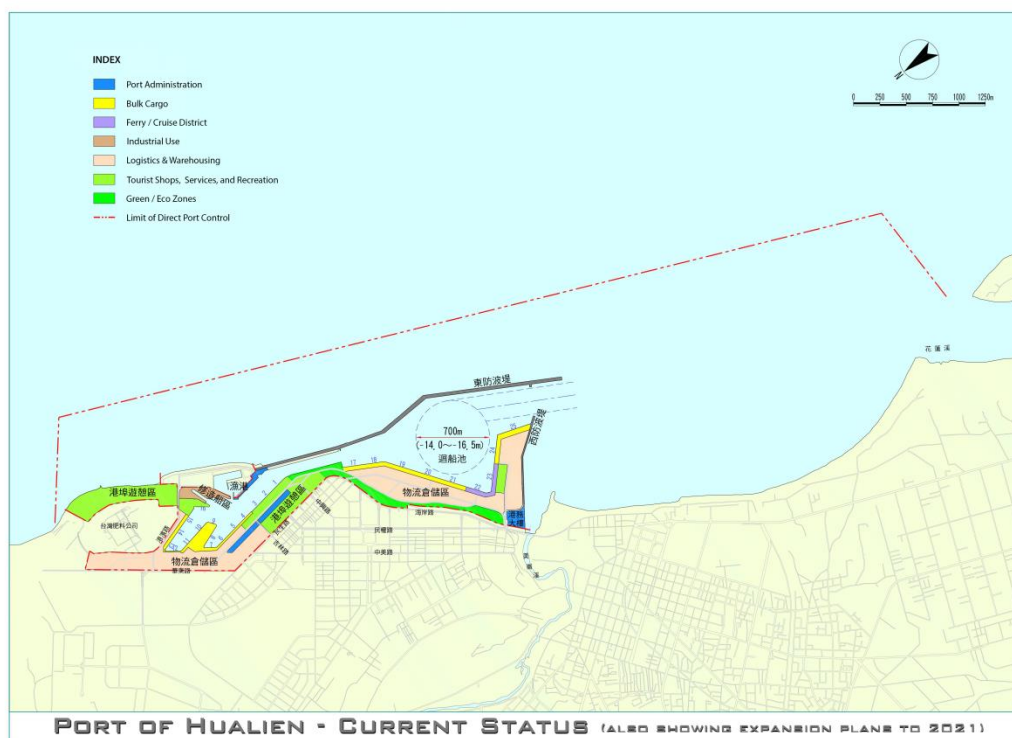


港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	120° 14' 46.9846"	22° 38' 53.6348"
B	120° 10' 57.4687"	22° 35' 18.3405"
C	120° 20' 48.9567"	22° 31' 03.6090"
D	120° 16' 59.5409"	22° 27' 28.4147"

(四) 花蓮國際商港(Port of Hualien)

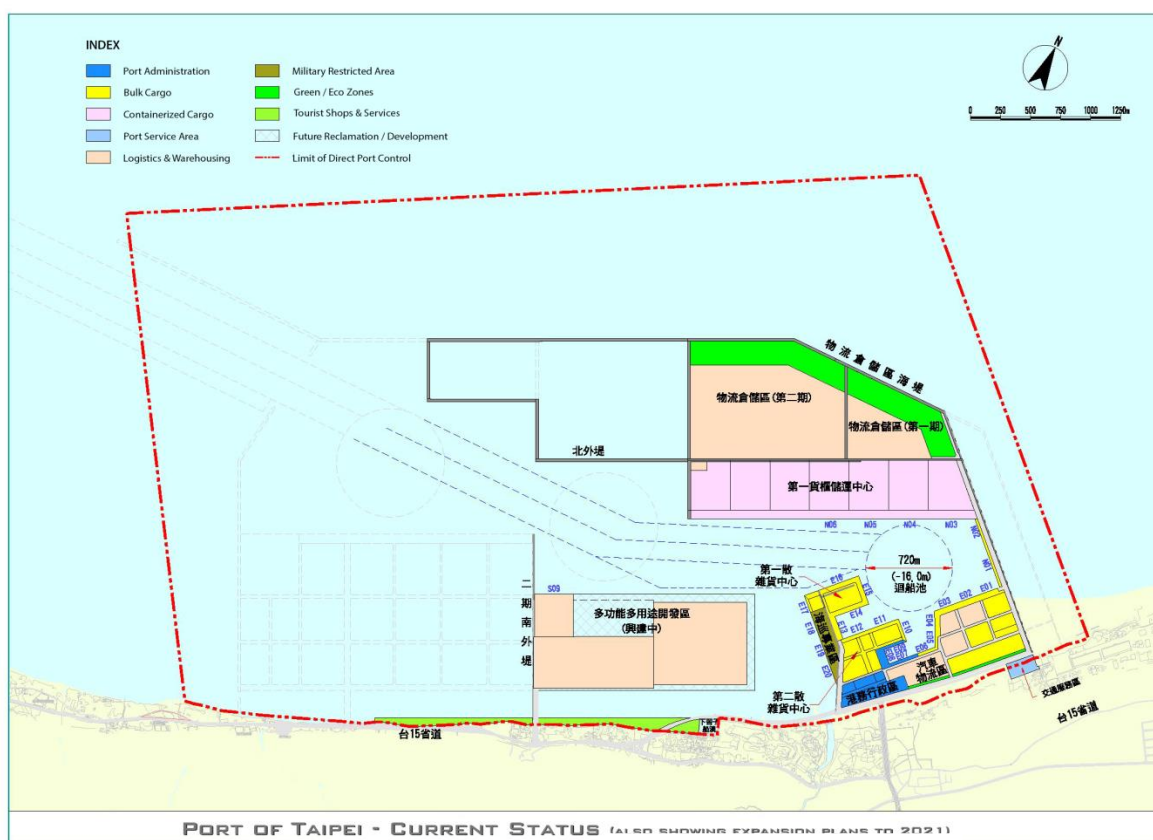


港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	121° 36' 42.33"	23° 56' 21.50"
B	121° 37' 17.65"	23° 56' 21.35"
C	121° 39' 14.40"	24° 00' 19.48"
D	121° 38' 47.45"	24° 00' 40.50"

(五) 臺北國際商港(Port of Taipei)

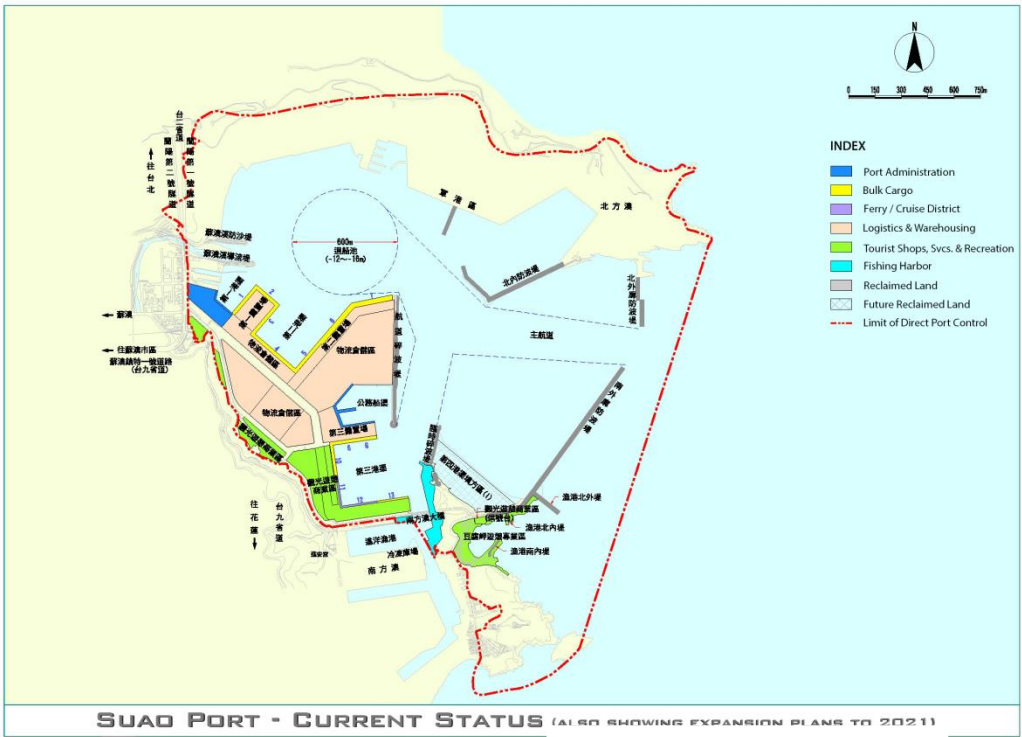


港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	121° 24' 20.9109"	25° 09' 40.3558"
B	121° 22' 35.9774"	25° 11' 13.1027"
C	121° 19' 08.7590"	25° 09' 30.5511"
D	121° 20' 27.4610"	25° 07' 38.4951"

(六)蘇澳國際商港(Port of Suao)

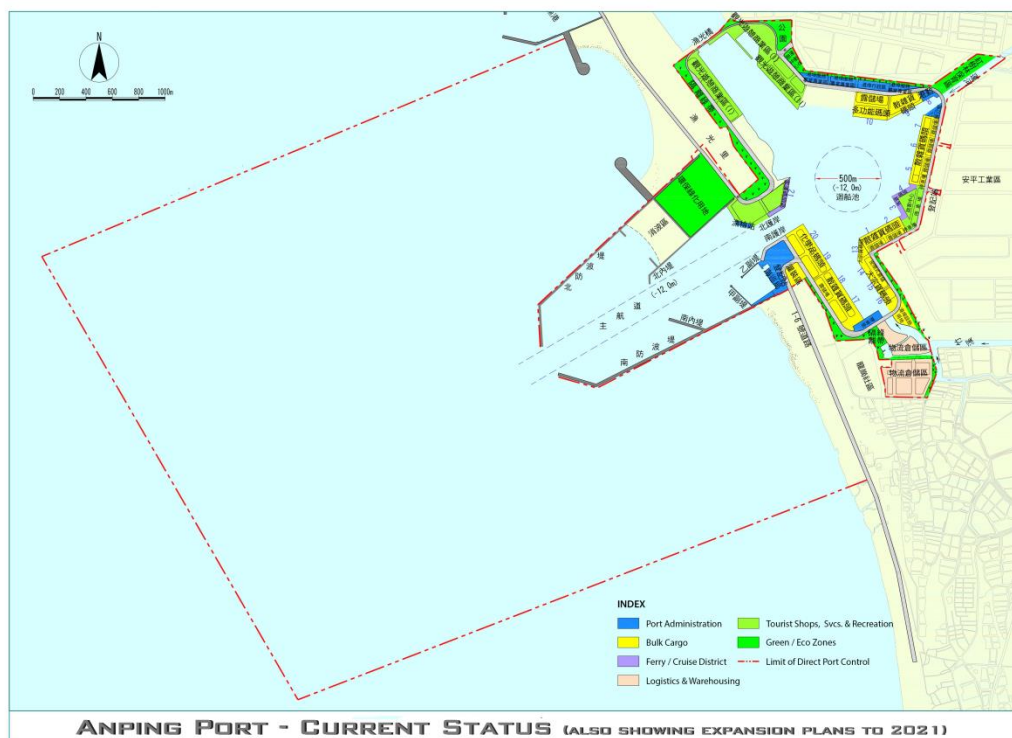


港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	121° 53' 08.64"	24° 35' 58.18"
B	121° 52' 42.11"	24° 34' 44.08"

(七)安平國際商港(Port of Anping)



港區示意圖(Port area diagram)

水域經緯度座標及港區界線(WGS84經緯度座標系統)
Water latitude and longitude coordinates and port boundaries-
WGS84 latitude/longitude coordinate system

點位 Point	東經 E East Longitude	北緯 N North Latitude
A	120° 10' 08.2"	22° 57' 09.1"
B	120° 08' 17.1"	22° 56' 28.7"
C	120° 08' 56.9"	22° 59' 01.0"
D	120° 06' 59.0"	22° 58' 14.7"